

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân.
2. Ông Võ Thành Trung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Q, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An. (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Q, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị C yêu cầu khởi kiện: Bà C và ông A chung sống năm 1989, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An vào năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng bà C hạnh phúc đến năm 2003

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A không lo làm ăn, sinh tật nhậu nhẹt, đánh đập bạo hành gia đình, bỏ bê vợ con không quan tâm, chăm sóc. Do ông A nhậu quá nhiều nên làm cho tinh thần không được bình thường khi nhậu về ông thường la hét, đánh đập bà C gây thương tích nhiều lần, đe dọa đến tính mạng của bà. Bà C đã nhiều lần báo Công an can thiệp nhưng sau nhiều lần cam kết thì ông A vẫn không thay đổi mà ngày càng tệ hơn. Vì thương các con còn nhỏ nên bà C cố gắng chịu đựng để khuyên ngăn ông A sửa đổi để xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy các con nhưng không được. Do mâu thuẫn giữa bà C và ông A ngày càng trầm trọng và không thể giải hàn gắn được, các con của bà C đã khôn lớn, bà C không còn đủ sức để chịu đựng và chung sống với ông A được nữa. Hiện tại, ông A ở nhà của ông A, bà C ở chung với con trai là Nguyễn Minh D, hai vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn, bà C không còn tình cảm vợ chồng với ông A nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà C yêu cầu ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà C và ông A có 04 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 10/6/1990; Giới tính: Nam; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/8/1993; Giới tính: Nữ; Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/11/1999; Giới tính: Nam và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 10/02/2001; Giới tính: Nữ. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành và không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình nên bà C không yêu cầu giải quyết.

- Về sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông A các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, đồng thời ông A cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông A đối với yêu cầu khởi kiện của bà C và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Võ Thị C cung cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của Nguyễn Minh D, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Thị Thanh N (bản sao).

Chứng cứ do ông Nguyễn Minh A cung cấp: Không.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

Các tình tiết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Minh A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà C yêu cầu ly hôn ông A theo bà C là ông A không lo làm ăn, sinh tật nhậu nhẹt, bạo hành gia đình, đánh đập bà nhiều lần gây thương tích, bỏ bê vợ con không quan tâm, chăm sóc. Do ông A nhậu quá nhiều làm cho tinh thần không còn minh mẫn (mắc bệnh lý ghiền rượu) nên thường hay có những hành vi đe dọa đến tính mạng của bà C.

- Về con chung: Bà C và ông A chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 10/6/1990; Giới tính: Nam; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/8/1993; Giới tính: Nữ; Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/11/1999; Giới tính: Nam và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 10/02/2001; Giới tính: Nữ. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành và không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình nên bà C không yêu cầu giải quyết.

- Về sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông A đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông A không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, đồng thời ông A cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Minh A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TH, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Nguyễn Minh A cư trú tại xã TP, huyện TH và hiện đang có mặt tại địa phương, nên bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông A, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Minh A*: Ông A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A.

[4] *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C*:

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Nguyễn Minh A không hợp tác; không cung cấp ý kiến, lời khai; Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến, yêu cầu khởi kiện; Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp để làm căn cứ xét xử vụ án.

[4.1] *Về tình tiết mâu thuẫn dẫn đến ly hôn*: Nguyên nhân dẫn đến bà C và ông A sống không hạnh phúc và yêu cầu ly hôn theo bà C là do ông A không lo làm ăn, sinh hoạt nhậu nhẹt, bạo hành gia đình đánh đập bà gây thương tích nhiều lần, bỏ bê vợ con không quan tâm, chăm sóc. Do ông A nhậu quá nhiều làm cho tinh thần không còn minh mẫn (mắc bệnh lý ghiền rượu) nên thường hay có những hành vi đe dọa đến tính mạng của bà C.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa bà C và ông A, nhưng ông A vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, điều này cho thấy ông A bỏ mặc không quan tâm đến hạnh phúc giữa ông và bà C và cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông A không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà C xem như ông A

thừa nhận những gì bà C trình bày là đúng. Như vậy, lời trình bày của bà C về tình trạng mâu thuẫn giữa bà với ông A là đúng và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà C với ông A lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà C và ông A có 04 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 10/6/1990; Giới tính: Nam; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/8/1993; Giới tính: Nữ; Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/11/1999; Giới tính: Nam và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 10/02/2001; Giới tính: Nữ. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành và không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình nên bà C không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng các theo giấy khai sinh của các con chung của bà C và ông A do bà C cung cấp kết hợp với lời khai của bà C. Hội đồng xét xử thấy rằng, các con chung của bà C và ông A đã thành niên, không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình. Khi ly hôn bà C không yêu cầu giải quyết, ông A vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Võ Thị C xác định không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Minh A vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Quyền kháng cáo: Bà C và ông A có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C đối với ông Nguyễn Minh A.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Minh A.

- Về con chung: Bà C và ông A có 04 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 10/6/1990; Giới tính: Nam; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/8/1993; Giới tính: Nữ; Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/11/1999; Giới tính: Nam và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 10/02/2001; Giới tính: Nữ. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành và không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình, nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị C xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Ông Nguyễn Minh A không có ý kiến hay tranh chấp gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0003350 ngày 25/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang án phí để thi hành (bà C đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Võ Thị C có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh A vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TP, huyện TH, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Ngân